

KHÁNH ANH - Bản tin tháng 10/2010 (3 tháng 1 lần, số 85)

(Đặc biệt cho Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn lần thứ 4 - 2010)

Ý nghĩa pháp kệ truyền thừa của Tổ Liệu Quán

Kỷ niệm 268 năm Tổ Sư Liệu Quán viên tịch

Sự xuất hiện của **Tổ sư Liệu Quán** (1667-1742) như là một Bồ tát bồ xứ, thực hiện sứ mệnh lịch sử: Không chỉ duy trì và phát triển mạch sống Phật giáo VN giữa bối cảnh xã hội tối tăm, Phật pháp suy đồi mà còn thể hiện sự xả thân vì đạo; lập thảo am, ăn rong, uống nước suối, hơn 10 năm tham cứu công án, tu hành đắc đạo.

Điều đặc biệt là sau khi đắc đạo, Tổ Liệu Quán tự mình biệt xuất pháp kệ để khai sinh một dòng thiền mới, chứng tỏ Tổ có một sự tự tin mạnh mẽ, có tâm nhìn đầy tuệ giác về sức sống và nhu cầu của xã hội đương thời. **Tại sao Tổ sư Liệu Quán không thuận túy kế thừa pháp hệ truyền thống Lâm Tế?** Chúng tôi nghĩ rằng:

Một là, dòng thiền Lâm Tế khi qua Việt Nam chỉ còn ý nghĩa truyền thừa pháp hệ mà không còn chất liệu sinh động "*dánh, hé*" một thời. Tổ sư **Minh Hoằng-Tử Dung** khi trao cho Tổ Liệu Quán một công án và sau ấn chứng sự đắc pháp theo truyền thống Thiền tông Trung Hoa nói chung, không mang bóng dáng đặc thù của thiền Lâm Tế.

Hai là, mạch nguồn tâm linh Trung Hoa không phù hợp với dòng

tâm thức Việt Nam, không đáp ứng được căn cơ và nhu cầu thời đại.

Ba là, bối cảnh lịch sử phức tạp từ Trung Hoa cho đến Việt Nam thời bấy giờ đã làm phai nhạt mối gắn bó pháp hệ chính thống. Cần phải có một pháp hệ mới để nối tiếp mạch nguồn tuệ giác.

Bốn là, với ý thức của người dân Việt, Tổ Liệu Quán muốn định hướng cho dòng thiền của ngài tiếp nối được mạch nguồn tuệ giác đã tạo nên dòng văn hóa Việt.

Do vậy, chúng tôi cho rằng pháp kệ truyền thừa của Tổ Liệu Quán có một ý nghĩa đặc biệt, đó là định hướng đường lối tu học cho các thế hệ đương thời. Chúng ta thử tìm hiểu, với ước mong làm sáng tỏ được phần nào ý hướng của Tổ sư:

Pháp kệ *Liệu Quán*

Thiệt tế đại đạo

Tánh hải thanh trùng.

Tâm nguyên quảng nhuận

Đức bốn từ phong.

Giới định phước huệ

Thể dụng viễn thông.

Vĩnh siêu trí quả

Mật khế thành công.

Truyền trì diệu lý

Diễn xướng chánh tông.

Hạnh giải tương ưng

Đạt ngộ chọn không.

Dịch :

Đường lớn thực tại

Biển thể tính trong.

Nguồn tâm thấm khắp

Gốc đức vun trồng.

Giới định phước huệ

Thể dụng viễn thông.

Quả trí siêu việt

Hiểu thấu nêu công.

Truyền giữ lý mầu

Tuyên dương chính tông.

Hành giải song song

Đạt ngộ chân không.

Khi tham khảo cả bốn dòng kệ :

1- Tổ Vạn Phong, đời 21 xuất kệ (ngài Liệu Quán kế thừa). **2- Tổ Đạo Mân**, đời 31 Lâm Tế. **3- Tổ Minh Hải** và **4- Tổ Liệu Quán**, ta sẽ thấy tính biện chứng và tính thực tiễn của dòng kệ Liệu Quán rất rõ nét, điều đó chứng tỏ Tổ Liệu Quán đã xây dựng con đường tu tập, hành đạo theo một trật tự mà qua đó biểu hiện lộ trình tu chứng và hành đạo của ngài. Đồng thời cũng nói lên ước vọng của ngài về sự phát triển Phật pháp trong tương lai.

Pháp kệ truyền thừa của Tổ sư Liệu Quán mang tính định hướng lộ trình tu hành chứ không chỉ là pháp hệ truyền thừa về mặt hình thức, điều này rất có ý nghĩa đối với tình hình Phật giáo lúc bấy giờ. Đây là điểm đặc sắc của Tổ. Pháp kệ của Tổ Liệu Quán có **48 chữ, 12 câu** theo thể tứ cú, toàn kệ có thể chia ra làm sáu phần hoặc lộ trình tu hành gồm sáu bước :

1- Thể tính vắng lặng

2- Tâm thức thánh thiện

3- Công phu hoàn chỉnh

4- Trí tuệ vẹn toàn

5- Hóa độ nhân gian



Chư Tôn Đức Tăng Ni Việt Nam hải ngoại chụp hình lưu niệm sau Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư
(Ngày Về Nguồn 4) Tổ chức tại Tu viện Viên Đức (Đức quốc) từ ngày 16 đến 19/09/2010.

6- Thành tựu thánh quả

1. Thể tính vắng lặng

Thiệt tết đại đạo

Tánh hải thanh trừng.

(Đường lớn thực tại

Biển thể tính trong).

Thiệt tết có hai nghĩa, một là nội dung đặc đạo tuyệt đối không hy vọng. Hai là, lý thể chân như. Thiền tông thường dùng từ "**Thiệt tết lý địa**" chỉ cho thế giới bình đẳng nhất như. Trong ý nghĩa triết học chỉ cho chân lý hay sự thật hoặc thực tiễn, được là **thực tại**.

Đầu tiên nói về nền tảng uyên nguyên của vũ trụ, trên nền tảng ấy mà chư pháp hiện hữu. Cái nguyên lý phổ quát ấy vốn thanh tịnh, vô nhiễm ở nơi thánh không thêm, ở nơi phàm không bớt, Phật và chúng sanh đồng dạng, hữu hình vô hình đều cùng một tính chất. Đây là nói đến nguyên lý của sự tồn tại, khẳng định giá trị siêu việt, bình đẳng ở nơi mỗi chúng sinh.

2. Tâm thức thánh thiện

Tâm nguyễn quảng nhuận

Đức bốn từ phong.

(Nguồn tâm thẩm khắp

Gốc đức vun trồng).

Các nguyễn lý phổ quát ấy biểu hiện ở nơi con người là nguồn tâm thức rộng lớn. Tâm thức muốn tương ứng với đạo lớn phổ quát ấy phải là nguồn tâm rộng lớn vô lượng mà nền tảng là đức từ bi. Khi tình thương yêu không đủ thì năng lượng giải thoát không mạnh, Phật giáo Việt Nam thường đặt từ bi đi trước trí tuệ, chùa chiền được gọi là cửa từ bi. Khơi dậy mạch nguồn vô lượng bằng tình thương bao la, nhở vậy mà thâu suốt được nỗi thống khổ của chúng sinh, mới phát khởi đức tinh tấn dũng mãnh để cầu đạo giải thoát. Như vậy, nền tảng của mọi đức hạnh là từ bi, đó là tính chất của nguồn tâm thanh tịnh rộng lớn, ngược lại là tính chất ích kỷ chấp ngã, tâm lượng hẹp hòi, đóng bít cánh cửa đại đồng. Ngọn gió từ bi mà Tổ Liêu Quán nói đến là nội hàm của nguồn tâm.

3. Công phu hoàn chỉnh

Giới định phước huệ

Thể dụng viên thông.

(Giới định phước tuệ

Thể dụng viên thông).

Động lực cứu đời đã thiết lập, còn lại là việc tu hành dựa trên sự thành

tựu giới định và phước tuệ. Ở đây Tổ muốn nói : Xây dựng hành vi và tâm lý đạo đức sẽ tạo nên phước lớn và tu tập thiền định sẽ đạt được tuệ giác. Đây là con đường tu tập truyền thống mà Đức Phật đã dạy, không riêng cho tông phái nào. Tổ đã thực hiện trọng vẹn cả hai lãnh vực ấy trong quá trình cầu pháp, mọi đạo đức căn bản đều thực hiện vẹn toàn, mà khi đọc về cuộc đời của ngài ta thấy rất rõ.

Thể dụng, thể là điều kiện căn bản để mọi pháp tồn tại. Ở đây chỉ cho giới và định. Dụng là cái vận hành của một pháp. Ở đây chỉ cho phước và tuệ, đầy đủ phước đức và trí tuệ thì sự vào ra trong chốn hồng trần mới an ổn và ích lợi. Phước và tuệ luôn dựa trên giới và định, đây là một quy luật về sự thành tựu tâm linh. Phước có thể tồn, tuệ có thể giảm nếu không có nền tảng căn bản là giới và định. Thể dụng viên thông, chính là công phu tu tập được hoàn chỉnh.

4. Trí tuệ vẹn toàn

Vĩnh siêu trí quả

Mật khế thành công.

(Quả trí siêu việt

Hiểu thấu nén công).

Sau khi giới định phước huệ đã được trang bị, công phu tu tập đã miên mật sẽ đưa đến 1 tâm thái sáng rõ, soi chiếu mọi góc tối của nghiệp, như một tia chớp của 1 lưỡi kiếm sắc bén, mọi u tối chướng ngại đều bị cắt đứt. Sự thấy biết sắc bén ấy, kinh tượng Nguyên thủy gọi là **Liễu Tri** (cái biết rốt ráo). Cái thấy ấy thông suốt với cái thấy của mọi bậc Thánh, cái thấy đến nơi đến chốn, pháp hiệu của ngài là **Liễu Quán**, chính là ý nghĩa này. Lúc ấy, mọi hành giả luôn được năng lượng Phật, Bồ tát hộ niệm, sự giác ngộ được khẳng định, nên gọi là Mật khế thành công.

5. Hóa độ nhân gian

Truyền trì diệu lý

Diễn xướng chánh tông.

(Truyền giữ lý màu

Tuyên dương Chánh tông).

Thành tựu trí tuệ siêu việt chưa phải là hoàn tất lô trình giải thoát như nhiều người lầm tưởng, nhất là theo lô trình tu tập của Bồ tát. Năng lượng từ bi ở nơi nguồn tâm chưa được giải tỏa, Bồ tát không thể hướng thụ an lạc nội tại, Bồ tát hướng tâm đến nhân gian thực hiện mục tiêu hóa độ chúng sinh. **Diệu lý** là đạo lý giác ngộ, giải thoát của

Phật, **Chánh tông** là đường lối tu hành của Phật. Thông qua việc truyền trao nguồn tuệ giác cho đời, giữ gìn mạch sống giác ngộ của đạo, đó là một sứ mệnh thiêng liêng. Sức sống của Phật pháp tùy thuộc vào hai yếu tố : Bảo tồn nguồn mạch tuệ giác và truyền bá Chánh pháp. Vấn đề thứ nhất, cần đào tạo được người để giao cho trọng trách giữ gìn mạch sống của Đạo, điều này rất khó, như người xưa thường nói : "**Đệ tử tam sư dì, su tầm đệ tử nan**". Vấn đề thứ hai, phải đem giáo lý truyền bá tuyên dương để lợi ích cho hữu tình, tạo ảnh hưởng vào xã hội nhân sinh. Tổ sư đã tích cực di chuyển từ kinh đô về Phú Yên trong nhiều năm dù đường sá xa xôi. Ngài liên tục thiết lập pháp hội thí giới, mở đạo tràng tiếp dẫn đồ chúng, thuyết pháp độ sanh, những bước đi của ngài đã thực hiện trọng vẹn sứ mệnh của mình.

6. Thành tựu thánh quả

Hạnh giải tương ưng

Đạt ngộ chọn không.

(Hạnh giải song song

Đạt ngộ chọn không).

Hóa độ nhân gian là sự thành tựu trọn vẹn của một hành giả Phật tử mà một trong những định nghĩa về Phật là Giác hành viên mãn. Bước cuối cùng của lô trình tu tập là tự giác và giác tha được thành tựu. Ở đây, nói đến hạnh và giải tương ứng tức là trí tuệ và đức hạnh song hành. Biểu hiện của hạnh giải là làm đúng như nói và nói đúng như làm, tri hành hợp nhất. Sự thành tựu của công trình tu tập phải ở nơi đời sống thực tiễn của con người xã hội chứ không phải ở nơi tâm thức hay trong sự vắng lặng của núi non. Sự thành tựu ấy gọi là **Diệu Hữu**, theo chủ trương của Phật giáo Đại thừa, và qua Diệu hữu mà hiển lộ **Chọn không**. Đạt ngộ chọn không của Tổ sư Liêu Quán đặt sau cuối bài kệ như một sự trở về cội nguồn viên mãn sau một cuộc hành trình dài vô tận.

Như vậy, với lô trình sáu bước, pháp hệ truyền thừa của Tổ Liêu Quán có tính cách định hướng đường lối tu tập và hành đạo, qua đó thể hiện ý chí của Tổ một cách rõ ràng rằng, nội dung mà một dòng thiền chuyên chở phải là sự vận hành công đức giải thoát và giác ngộ trong đời sống của xã hội nhân sinh. Đó là một định hướng mở rất phóng khoáng phù hợp với bối cảnh phát triển xã hội của dân tộc Việt vào thế kỷ XVIII.

Thích Viên Giác

Thiền sư Minh Hải

và sự khai sáng Thiền phái Chúc Thánh

1/. Sự ra đời của Thiền phái Chúc Thánh

Trước khi thiền phái Chúc Thánh ra đời, tại Quảng Nam đã có nhiều vị thiền sư danh tiếng giáo hóa như : **Minh Châu, Thạch Liêm, Hưng Liên**, v.v... Tuy nhiên, các Ngài chỉ trụ một thời gian rồi ra đi. Ngài Minh Châu cùng với 50 đệ tử vượt biển ra Đàng Ngoài vào tháng 3 năm Nhâm Tuất (1682). Có thể sợ bị liên lụy nên không một vị đệ tử nào của Ngài ở lại Quảng Nam tiếp tục giáo hóa. Vì thế, sự ảnh hưởng của Ngài mau chóng phai theo năm tháng.

Kế đến là hai thầy trò ngài **Thạch Liêm** và **Hưng Liên** của dòng **Tào Động**. ngài Thạch Liêm qua chỉ một thời gian ngắn, còn ngài Hưng Liên được phong Quốc sư và trụ tại chùa **Tam Thai**. Tuy nhiên, sau khi ngài Thạch Liêm về nước và ngài Hưng Liên viên tịch thì sự truyền thừa của dòng **Tào Động** tại Quảng Nam xem như không còn. Điều này có hai lý do giải thích như sau :

Thứ nhất, ngài Thạch Liêm và Hưng Liên đều là những vị tài giỏi nhưng tầm ảnh hưởng của các Ngài chỉ trong nội vi nhà Chúa và giới lãnh đạo mà thôi, chứ chưa có sự ảnh hưởng lan rộng trong lòng quần chúng Phật tử.

Thứ hai, sau khi ngài Hưng Liên viên tịch, các đệ tử của Ngài không ai có đủ khả năng kế thừa Ngài để phát triển tông phong. Vì lẽ đó, dòng **Tào Động** cũng mai một và không còn dấu tích trên đất Quảng.

Sự hoằng hóa của các thiền sư kể trên đã làm cho người dân đất Quảng thấm nhuần Phật pháp. Nhưng các Ngài tùy duyên giáo hóa, chọt đến chọt đi khiến cho người con Phật nơi đây cảm thấy hụt hẫng, thiếu thốn. Chính vì lẽ đó, khi **thiền sư Minh Hải** quyết định trụ lại Quảng Nam hoằng hóa đã đáp ứng được niềm khát khao mong đợi của đa số tín đồ quần chúng. Nếu như các ngài Minh Châu, Thạch Liêm là người có công xây dựng nền móng thì ngài Minh Hải là người có công kiến tạo tòa nhà Phật giáo Quảng Nam.

2/. Lược sử Thiền sư Minh Hải

Thiền sư **Minh Hải** (1670-1746) thế danh **Lương Thế Ân**, sinh vào giờ Tuất, ngày 28 tháng 6 năm Canh Tuất (1670) tại làng **Thiệu An**, huyện **Đồng An**, phủ **Tuyễn Châu**, tỉnh **Phước Kiến**, Trung Quốc. Thân phụ là **Lương Đôn Hậu**, thân mẫu là **Trần Thực Thận**, Ngài là người con thứ hai trong gia đình.

Năm Mậu Ngọ (1678), khi vừa lên 9 tuổi, Ngài được song thân đưa đến xuất gia tại **chùa Báo Tư** thuộc tỉnh **Phước Kiến** (Trung quốc). Sau một thời gian dài tu học, khi tuổi tròn 20, Ngài được đăng đàn thọ cụ túc giới với **pháp danh Minh Hải**, tự **Đắc Trí**, hiệu **Pháp Bảo**. Như vậy, Ngài nối pháp đời 34 dòng Lâm Tế truyền theo bài kệ của ngài **Vạn Phong** - Thời **Úy**.

Năm Ất Hợi (1695), Ngài cùng với các ngài **Minh Vật** - **Nhất Trí**, **Minh Hoằng** - **Tử Dung**, **Minh Lượng** - **Thành Đẳng**, v.v... trong hội đồng thập sư cùng Hòa thượng Thạch Liêm theo lời thỉnh cầu của **chùa Nguyễn Phúc Chu** sang An Nam truyền giới. Phái đoàn xuống thuyền tại bến **Hoàng Phố** và cập bến **Hội An** vào ngày 28 tháng Giêng năm Ất Hợi (1695). Sau đó, đoàn ra Thuận Hóa, được chúa **Nguyễn Phúc Chu**

đón tiếp trọng thể và thỉnh về ngũ tại **chùa Thiên Lâm**.

Ngày mồng 1 tháng 4 năm Ất Hợi (1695), giới đàn khai mở do **Ngài Thạch Liêm** làm **Đàn đầu Hòa thượng**. Giới đàn truyền các giới Sa-di, Tỳ-kheo và Bồ-tát cho 1.400 giới tử trong đó có cả các vương hầu khanh tướng. Đặc biệt, chúa Nguyễn Phúc Chu được truyền riêng một đàn giới và Hòa thượng đàn đầu đã ban cho pháp danh là **Hưng Long**.

Sau khi giới đàn thành tựu, ngày 28 tháng 6 năm Ất Hợi (1695), phái đoàn trở vào lại Hội An để chờ thuyền về nước. Tại Hội An, đoàn trú ở **chùa Di Đà** (sau này đổi tên là **Chiên Đà**) và thỉnh theo lời thỉnh cầu của chư Tăng cũng như bốn đạo, ngài Thạch Liêm lập đàn truyền giới cho 300 giới tử. Ngày 19, đoàn rời Hội An ra Cù Lao Chàm, lên thuyền chờ gió. Ngày 30 thuyền nhỏ neo nhưng bị nghịch gió nên phải trở lại Hội An. Ngày 12 tháng 10, chúa Nguyễn mời ngài Thạch Liêm trở lại Phú Xuân lập đàn cúng Phật truyền giới một lần nữa tại **chùa Thiên Mu**. Sau đó đến ngày 24 tháng 6 năm Bính Tý (1696) ngài Thạch Liêm cùng với phái đoàn trở về Quảng Đông và không qua nữa.

Sau khi ngài Thạch Liêm về nước, một số vị trong phái đoàn ở lại An



Lễ Cung Nghinh Chư Tôn Đức Tăng Ni quang lâm Chánh Điện Tu viện Viên Đức để chánh thức Khai mạc Lê Hiệp Kỵ Lịch Đại Tổ Sư (Ngày Về Nguồn 4) sáng ngày 17/09/10.

Nam trác tích khai sơn hoằng hóa như ngài **Minh Hoằng - Tử Dung khai sơn chùa Ấn Tông** ở Thuận Hóa (bây giờ là Chùa Từ Đàm), ngài **Minh Lượng - Thành đẳng khai sơn chùa Vạn Đức - Hội An** và ngài **Minh Hải - Pháp Bảo khai sơn chùa Chúc Thánh** tại Cẩm Phô - Hội An.

Từ những ngày đầu tiên ở nơi mảnh đất đầy cát bụi này, Ngài Minh Hải chỉ lập một thảo am để tịnh tu phạm hạnh. Dần dần hương giới đức của Ngài lan tỏa khắp mọi nơi, ánh hưởng đạo đức đến người dân phố Hội và các vùng phụ cận nên đồ chúng ngày một quy ngưỡng tham học.

Sau gần 50 năm sang An Nam hoằng hóa, đến ngày mồng 7 tháng 11 năm Bính Dần (1746), Ngài gọi đồ chúng đến dặn dò và đọc kệ phú chúc:

原浮法界空
真如無性相
若了悟如此
眾生與佛同。

*Nguyên phù pháp giới không
Chơn Như vô tánh tướng
Nhược liễu ngộ như thử
Chúng sanh dữ Phật đồng.*

Sau khi phú chúc, Ngài thâu thần thị tịch, trụ thế 77 tuổi. Đồ chúng cung thỉnh nhục thân Ngài nhập bảo tháp trong khuôn viên chùa Chúc Thánh.

3/. Thiền sư Minh Hải với việc khai sáng Thiền phái Chúc Thánh

Sau khi quyết định trụ lì Hội An để hoằng hóa, tổ Minh Hải khai sơn chùa Chúc Thánh. Để việc truyền thừa có quy củ dài lâu, Ngài xuất kệ truyền pháp như sau :

傳法名偈
明實法全彰
印真如是同
祝聖壽天久
祈國祚地長.

Truyền pháp danh kệ :
*Minh thiết pháp toàn chương
Ấn chơn như thị đồng*

Chúc thánh thọ thiên cửu

Kỳ quốc tộ địa trường.

傳法字偈

得正律爲宗

祖道解行通

覺花菩提樹

充滿人天中.

Truyền pháp tự kệ :

Đắc chánh luật vi tông

Tổ đạo giải hạnh thông

Giác hoa bồ đề thọ

Sung mãn nhân thiên trung.

Bài kệ này bao gồm bốn mươi chữ và được chia ra làm hai phần. Phần đầu gồm 4 câu được dùng để đặt **pháp danh** và phần còn lại để đặt **pháp tự**. Ngài Minh Hải có pháp danh chữ **Minh** và pháp tự là chữ **Đắc**. Tiếp đến, hàng đệ tử của Ngài theo thứ tự có pháp danh chữ Thiệt và pháp tự chữ Chánh như : Thiệt Diệu-Chánh Hiền, Thiệt Dinh-Chánh Hiền, Thiệt Đăng-Chánh Trí, v.v... Chính sự truyền thừa có thứ tự như vậy nên chúng ta dễ dàng nhận ra vị thiền sư nào là đệ tử ngài Minh Hải. Bởi vì, cùng thời với Ngài, có rất nhiều vị thiền sư thuộc đời 34 dòng Lâm Tế với pháp danh chữ **Minh** theo bài kệ của ngài Vạn Phong-Thời Ủy hoằng hóa tại Đàng Trong. Các vị này cũng cho đệ tử pháp danh chữ Thiệt theo câu kệ : "**Hành Siêu Minh Thiệt Té**". Nếu không có pháp tự bằng chữ **Chánh** đứng đầu thì chúng ta khó phân biệt vị nào thọ giáo với thiền sư Minh Hải. Đây là **điểm đặc biệt của dòng Chúc Thánh mà các thiền phái khác không có**.

Thiền phái Chúc Thánh là lấy theo tên ngôi chùa Chúc Thánh do tổ sư Minh Hải khai sơn. Từ đây, sữa Pháp lại được khơi dòng tại đất Quảng, lan tỏa khắp các tỉnh thành, gộp phần rất lớn trong sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp.

Về nội dung của bài kệ, chúng ta có thể hiểu như sau :

Ở bài kệ truyền pháp danh, hai câu đầu là nói về **Chân đế**. Nghĩa là các pháp xưa nay vốn dĩ sáng tỏ ròn ràng, cùng với thể tánh Chơn như không có sự sai biệt. Hai câu sau nói về **Tục đế**, cầu cho Thánh quân sống lâu muôn tuổi và vạn nước được dài lâu muôn thuở.

Ở bài kệ truyền pháp tự, hai câu đầu mang ý nghĩa lấy giới luật làm

tông, nên tuyên dương giới luật. Ban đầu, tổ Minh Hải đặt là "**Đắc chánh luật vi tông**", nhưng về sau, vì ký tên húy của vua Thiệu Trị nên có một số vị đọc trại chữ **Tông** lại chữ **Tuyên** (宣) như Chương Tư - Tuyên Văn; Chương Quảng - Tuyên Châu, v.v... hoặc chữ **Tôn** (尊) như Chương Đạo - Tôn Tùng; Chương Lý - Tôn Sư, v.v... Còn nội dung của hai câu cuối nói đến sự chứng ngộ của hành giả.

Về ý nghĩa của hai chữ **Chúc Thánh**, chúng ta có thể hiểu hai nghĩa như sau :

- **Đúng về mặt Đạo pháp**, là một người trưởng tử của Như Lai, chư tổ thuở quá khứ cũng như các thế hệ chúng ta ngày nay, ai ai cũng muốn cho chánh pháp cứu trợ thế gian để lợi lạc nhân寰 xã hội. Ở đây, thiền sư Minh Hải lấy hai chữ Chúc Thánh để đặt tên cho ngôi chùa cũng có ý nghĩa như vậy. **Thánh** ở đây có nghĩa là **Thánh đạo**, Ngài muôn Thánh giáo luôn luôn tồn tại ở thế giới Ta-bà này để xoa dịu những nỗi thống khổ của kiếp nhân sinh.

- **Đúng về mặt Dân tộc**, mỗi người chúng ta ai cũng muốn có những vị vua anh minh cai trị đất nước, đem lại hòa bình an lạc cho muôn dân. Vì thế, Chúc Thánh ở đây còn có nghĩa là Chúc cho Thánh quân thọ lâu muôn tuổi để trị vì thiên hạ. Bởi lẽ, giai đoạn tổ Minh Hải qua Đàng Trong là giai đoạn các chúa Nguyễn anh minh đang trị vì và Đàng Trong đang thời hưng thịnh. Đồng thời, các chúa Nguyễn là những vị nhiệt tâm hộ trì Phật giáo. Họ chính là những vị hộ pháp dắc lực cho chư tăng trong sự nghiệp truyền bá chánh pháp.

Qua ý nghĩa hai chữ Chúc Thánh, chúng ta thấy được nơi đây có sự kết hợp hai yếu tố Đạo pháp và Dân tộc. Với hai chữ ngắn gọn, thiền sư Minh Hải đã gói trọn, dung hòa được cả hai yếu tố quan trọng này. Đồng thời, qua bài kệ truyền pháp, chúng ta thấy được sở ngộ, sở tu của tổ Minh Hải. Từ sự chứng ngộ siêu xuất đó, ngày nay thiền phái Chúc Thánh phát triển khắp các tỉnh miền Trung và Nam Việt Nam và sang tận Âu - Mỹ.

4/. Một vài nghi vấn về hành trạng của Tổ Minh Hải

Cho đến nay, hành trạng của tổ sư Minh Hải còn có nhiều vấn đề vẫn chưa được làm sáng tỏ. Chẳng hạn **Tổ xuất gia với tổ sư nào tại chùa Bảo Tư - Trung Quốc ?** Đây là vấn đề quan trọng mà vẫn còn nằm trong bức màn bí mật của thời gian. Ở đây, người viết xin được làm rõ một vài nghi vấn về hành trạng của Tổ mà

một số sách sử đã ghi nhầm. Tự trung xoay quanh ba nội dung chính sau :

a. Tổ Minh Hải có phải là đệ tử của tổ sư Nguyên Thiều ?

Theo Lịch sử Phật giáo Đàng Trong, Nguyễn Hiền Đức cho rằng tổ Minh Hải là đệ tử ngài Nguyên Thiều ? Nhận định ấy có chỗ chưa thỏa đáng. Chúng ta xác định lại vấn đề qua niên đại của tổ Nguyên Thiều và tổ Minh Hải.

Tổ sư Nguyên Thiều (1648-1728) sinh ngày 18 tháng 5 năm Mậu Tý (1648) tại huyện Trịnh Hương, phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Ngài xuất gia năm 19 tuổi tại chùa Báo Tư với thiền sư **Bổn Khao - Khoáng Viên**. Năm Đinh Ty (1677), Ngài theo thuyền buôn sang phủ Quy Ninh (Quy Nhơn - Bình Định) lập **chùa Thập Tháp**. Còn tổ sư Minh Hải, Ngài sinh ngày 28 tháng 6 năm Canh Tuất (1670), tại làng Thiệu An, huyện Đồng An, phủ Tuyễn Châu, tỉnh Phước Kiến. Ngài xuất gia tại chùa Báo Tư khi lên 9 tuổi, tức là năm Mậu Ngọ (1678). Như vậy, khi ngài Minh Hải mới nhập chúng tu học thì ngài Nguyên Thiều đã sang An Nam rồi. Vì thế, ta có thể khẳng định ngài Minh Hải không phải là đệ tử của tổ Nguyên Thiều, mà có thể Ngài là sư diệt gọi tổ Nguyên Thiều bằng sư bá hoặc sư thúc.

b. Có phải tổ sư Minh Hải khai sơn chùa Thiên Ấn - Quảng Ngãi ?

Cũng theo Lịch sử Phật giáo Đàng Trong, Nguyễn Hiền Đức cho rằng : vào những năm 1694-1695, tổ Nguyên Thiều và tổ Minh Hải có liên quan đến vụ nổi loạn của Linh Vương và Quảng Phú tại Bình Định và Quảng Nam. Vì thế, tổ Minh Hải vào núi Thiên Ấn đổi pháp danh là **Pháp Hóa** và khai sơn chùa Thiên Ấn; còn tổ Nguyên Thiều vào Đồng Nai đổi pháp danh là **Siêu Bạch** và khai sơn **chùa Kim Cang**. Điều này có đúng không ? Chúng ta có thể phân tích qua các yếu tố sau :

- *Những năm 1694-1695, Tổ sư Minh Hải mới qua An Nam thì làm sao dính líu đến vụ nổi loạn của Linh Vương. Lại nữa, nếu cả hai vị tổ sư đều dính líu đến Linh Vương thì làm sao ngài Nguyên Thiều được chúa Nguyễn Phước Trú sắc ban thụy hiệu là "Hạnh doan thiền sư" ? Và liệu rằng, hàng đệ tử của tổ Minh Hải như Thiệt Diệu, Thiệt Dinh, Thiệt Thợ v.v... có thể yên tâm tu học duy trì*



Chúc Thánh trong khi bốn sư di lánh nạn ? Chúng ta biết rằng, dưới chế độ phong kiến, một người làm loạn, ba họ bị tru di. Huống gì người thầy làm loạn mà học trò sống an ổn như vậy sao ? Vì thế, đây là lý do thứ nhất chứng minh ngài Minh Hải không phải là tổ khai sơn Thiên Ấn.

- Theo bi ký chùa Thiên Ấn, thiền sư khai sơn thuộc đời 35 dòng Lâm Tế, có pháp danh **Phật Bảo**, tự là **Pháp Hóa**, thế danh Lê Diệt. Trên bia mộ có ghi rõ "**Tự Lâm Tế Chánh Tông Tam Thập Ngũ Thế Pháp Hóa húy thương Phật hạ Bảo Hòa Thượng Chi Tháp**". Như vậy, vị tổ sư khai sơn chùa Thiên Ấn thuộc đời 35 truyền theo bài kệ của ngài Đạo Mân - Mộc Trần. Còn vấn đề thiền sư Thiệt Úy - Khánh Vân, đệ tử tổ Minh Hải kế thế thiền sư **Phật Bảo - Pháp Hóa** trụ trì chùa Thiên Ấn cũng là lẽ tự nhiên. Thiền sư Thiệt Úy sau khi thọ giáo với tổ Minh Hải ở Chúc Thánh thì về quê nhà tại Mộ Đức lập chùa Liên Tôn. Đến khi ngài **Phật Bảo** viên tịch, vì không có đệ tử kế thừa nên ngài Thiệt Úy lên kế vị trụ trì Thiên Ấn. Từ đó, chùa Thiên Ấn truyền thừa theo dòng Chúc Thánh và trở thành tổ đình của chi phái Chúc Thánh tại tỉnh Quảng Ngãi.

Qua hai luận giải trên, chúng ta đi đến kết luận rằng : Tổ sư **Minh Hải - Pháp Bảo** và tổ sư **Phật Bảo - Pháp Hóa** là hai và tổ Minh Hải không phải là người khai sơn tổ đình Thiên Ấn như xưa nay mọi người ngộ nhận.

c. Về hai bài kệ truyền pháp của Thiền sư Minh Hải

Ngoài bài kệ truyền pháp tại Quảng Nam, chư tăng môn phái

Chúc Thánh tại Bình Định có tìm ra một bài kệ truyền pháp như sau :

傳法名偈

明實法全彰

印真如是同

萬有唯一體

觀了心境空

戒香成聖果

覺海湧蓮花

信進生福慧

行智解圓通

影月清中水

雲飛日去來

達悟微妙性

弘開祖道長.

Truyền pháp danh kệ :

Minh thiêt pháp toàn chương

Án chọn như thị đồng

Vạn hữu duy nhất thế

Quán liễu tâm cảnh không

Giới hương thành thánh quả

Giác hải đông liên hoa

Tín tấn sanh phước huệ

Hanh trí giải viễn thông

Ánh nguyệt thanh trung thủy

Vạn phi nhật khứ lai

**Đạt ngộ vi diệu tánh
Hoằng khai tổ đạo trường.**

傳法字偈
得正律爲宗
祖道解行通
覺花圓境智
充滿利人天
恆沙諸法界
濟度等舍生
周圓體相用
觀照刹塵中
去來當一念
能所豈非他
心境誰邊取
真望總皆如。

Truyền pháp tự kệ :
*Đắc chánh luật vi tông
Tổ đạo giải hạnh thông
Giác hoa viên cảnh trí
Sung mãn lợi nhân thiên
Hăng sa chư pháp giới
Tế độ đẳng hàm sanh
Châu viễn thể tướng dụng
Quán chiếu sát trần trung
Khứ lai dương nhất niệm
Năng sở khởi phi tha
Tâm cảnh thùy biên thủ
Chọn vọng tổng giao nhu.*

Nguyên nhân xuất hiện của bài kệ thứ hai này như sau : vào năm 1967, có một học sinh gốc người Hoa đến nộp đơn học tại trường trung học Bồ Đề Nguyễn Thiều. Qua lý lịch thì được biết học sinh này có quan hệ thân tộc với tổ Nguyễn Thiều. Theo sự yêu cầu của thầy giám học Thích Đồng Quán, gia đình em này cung cấp một số tư liệu về gia phả tổ Nguyễn Thiều, trong đó có bài kệ này. Từ đó, chư tăng dòng Chúc Thánh tại Bình Định sau chữ Đồng thì truyền xuống chữ **Van** chứ không truyền xuống chữ **Chúc**. Như vậy, giữa hai bài kệ thì bài nào đích thực là của tổ Minh Hải phú chúc ?

Xét nội dung hai bài kệ truyền pháp thì cũng không có gì sai lệch.

Nội dung của bài kệ tại Bình Định nói về vạn pháp đều quy về một thể, đó chính là tánh không. Khi nào quán chiếu thấy rõ tâm không, pháp không thì đạt thành chánh quả. Ở đây, nhấn mạnh đến trí tuệ Bát Nhã, nói đến bốn tánh vắng lặng trong mỗi chúng sanh, chỉ vì vọng niệm nên trôi lân trong sanh tử luân hồi. Giống như mặt trăng bị mây mờ che khuất, khi nào mây tan thì mặt trăng lại lồng lộng tỏa sáng. Tuy nhiên, cả hai bài kệ đều lấy giới luật làm tông, tuyên dương giới luật. Đây chính là điều thiết yếu để đoạn trừ vô minh, bước vào dòng Thánh.

Xét về mặt lịch sử truyền thừa, bài kệ tại tổ đình Chúc Thánh - Quảng Nam được truyền bá rộng rãi hơn. Còn bài kệ tại Bình Định mới phát hiện và được áp dụng truyền thừa trong phạm vi chư tăng môn phái Chúc Thánh tại Bình Định. Như vậy, chúng ta có thể giả định rằng : lúc đầu tổ sư Minh Hải làm bài kệ như Hòa thượng Thích Đồng Quán tìm được sau này, nhưng khi truyền pháp, để phù hợp với tên ngôi chùa mình khai sơn cũng như chúc cho minh chúa sống lâu để hộ pháp an dân nên Ngài mới đổi lại như vậy. Đây cũng là phương tiện quyền xảo trong việc hoằng pháp lợi sanh. Nhưng có một điều chúng ta thắc mắc : **tại sao bài kệ của tổ Minh Hải không nằm trong gia phả của dòng họ Ngài mà lại nằm trong gia phả tổ Nguyên Thiều ?** Mong rằng, về sau có những công trình nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề này.

Như vậy, cả hai bài kệ đều do thiền sư Minh Hải lưu xuất cả. Tuy nhiên, về sự truyền thừa thì bài kệ tại tổ đình Chúc Thánh - Hội An có thời gian lâu dài và tầm ảnh hưởng rộng rãi hơn bài kệ tại Bình Định. Dù chư tăng các thế hệ về sau được đặt pháp danh với chữ Chúc, chữ Thánh hay chữ Van, chữ Hữu cũng đều thuộc pháp phái Chúc Thánh - Minh Hải tổ sư. Tất cả đều một tâm nguyện phụng sự Đạo pháp và Dân tộc theo như tinh thần của chư Tổ từ xưa đến nay.

Tóm lại, kể từ khi tổ Minh Hải khai sơn, xuất kệ truyền thừa, tính đến giữa và cuối thế kỷ XVIII, thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã có sự hình thành rõ nét. Sự hình thành này là nền tảng vững chắc để dòng Chúc Thánh phát triển mạnh về sau, góp phần then chốt cho sự phát triển của Phật giáo xứ Quảng.

Thích Giải Nghiêm

BÁY PHÁP BẤT THỐI

Nam mô Thập phuơng Thường trú Tam bảo

Hôm nay nhân có đại chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức-xoa ma-na, Sa-di, Sa-di ni từ khắp nơi vân tập, tôi được Tăng-sai xin long trọng trùng tuyên **BÁY PHÁP BẤT THỐI** do đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni giáo huấn trong Kinh Du Hành, bộ Trưởng A Hàm. BÁY PHÁP BẤT THỐI này từ hơn hai nghìn năm trăm năm qua đã là nguyên tắc nền tảng mang lại sự thanh tịnh hòa hợp cho mọi tụ họp, và cũng là giềng mối tạo nên sự đoàn kết, hưng thịnh của chúng tỳ kheo trong mọi thời đại. Xin đại chúng tịnh lặng lắng nghe.

BÁY PHÁP BẤT THỐI HAY BÁY PHÁP LÀM HƯNG THỊNH CHÚNG TỲ-KHEO :

1- Các Tỳ-kheo cần phải thường xuyên tụ họp, và tụ họp đông đảo để giảng luận Chánh pháp, khiến cho có sự hòa hợp trên dưới của các Tỳ-kheo.

2- Các Tỳ-kheo phải tu họp trong tinh thần hòa hiệp, giải tán trong tinh thần hòa hiệp, và chấp hành Tăng sự trong tinh thần đoàn kết.

3- Chúng Tỳ-kheo không ban hành những luật lệ không thích hợp, những luật lệ không đáng được ban hành; và cũng không bãi bỏ những luật lệ đã được ban hành từ trước; sống đúng những gì đã được quy định bởi cộng đồng Tăng lữ.

4- Các Tỳ-kheo luôn luôn phải kính trọng, phục vụ các Tỳ-kheo trưởng lão, những vị có nhiều kinh nghiệm tu tập trong Chánh Pháp Luật, sẵn sàng nghe theo những lời khuyên dạy của các bậc trưởng thượng như thế.

5- Các Tỳ-kheo sống không bị lôi cuốn bởi những tham ái.

6- Trú xú cộng đồng các Tỳ-kheo luôn luôn là những trú xú nhàn tịnh.

7- Các Tỳ-kheo sống an trú trên chánh niệm tạo thành một cộng đồng sinh động, khiến cho các bạn đồng tu từ những phương khác nếu chưa đến thì muôn đến, đã đến thì muôn cùng sống và cùng tu tập trong sự an lạc.

BÁY PHÁP BẤT THỐI đã được tuyên đọc, xin nhất tâm y giáo phụng hành. (3 lần)

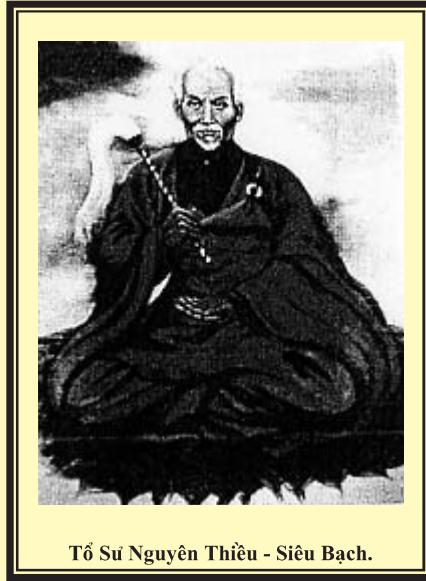
(HT Thích Tánh Thiết, Phó Chủ tịch Hồi Đồng Điều Hành GHPGVNTN Ấu Châu tuyên đọc trong lễ Hiệp Kỵ 19/9/10)

Theo dấu Tổ Sư Nguyên Thiều trên đất Đồng Nai

Sau vài thập kỷ Tổ Sư Nguyên Thiều (1648-1728) hoằng hóa ở Bình Định và Thuận Hóa, Ngài mang giáo pháp Phật Tổ cùng một số đệ tử vượt núi băng ngàn trực chỉ phía Nam, dừng chân tại vùng đất Đồng Nai. Tổ cùng các đệ tử là Ngài Minh Vật Nhất Tri kiến lập ngôi tổ đình Kim Cang, Ngài Thành Nhạc khai sơn chùa Long Thiên, Ngài Thành Đẳng khai sơn chùa Đại Giác, Ngài Thành Lý khai sơn chùa Bửu Phong, trong vùng Dinh Trần Biên ngày xưa, nay thuộc tỉnh Đồng Nai. Những di tích này đều ở trong phạm vi giới hạn từ 5-7km để cho thấy rằng nó được hình thành sớm từ lúc mà Tổ sư mới đặt chân đến (khoảng năm 1695) trong giai đoạn truyền giáo còn hạn hẹp. Về sau địa bàn hoằng truyền được mở rộng như xuống Gia Định, Sài Gòn, về miền Đông, miền Tây...

Cùng một thời kỳ Tổ sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch kiến lập ngôi tổ đình Kim Cang thì một số người Hoa trong đoàn Trần Thượng Xuyên cũng lập nên một ngôi đền Thanh Long để thờ ông Quan Đế, gọi là chùa Ông, cả hai trong cùng một ấp. Ngôi tổ đình Kim Cang và đền Thanh Long được trùng tu nhiều lần nên được tồn tại cho đến năm 1946. Khi quân đội Pháp mở rộng địa bàn hoạt động về thôn quê (cuối 1946), ngôi tổ đình Kim Cang đã bị chiến tranh thiêu hủy hoàn toàn, kể cả tượng Phật, Bồ Tát, những pháp khí thờ tự cho đến phô hé tông phả, chỉ còn lại duy nhất một bức long vị của tổ Minh Vật Nhất Tri bằng sa thạch (loại đá ở núi Non nước) nhưng cũng bị gãy làm đôi. Ngôi đền Thanh Long cùng chung số phận, cả hai di tích cùng được kiến tạo một thời thì cũng bị thiêu hủy một lúc.

Mãi đến năm 1968, tín đồ Phật giáo và hương chức trong địa phương mới đứng ra xây dựng lại một cảnh chùa đơn sơ nhỏ hẹp để có nơi thờ phụng Tam Bảo cũng như ông Quan Đế (họ đã bán một số cây gỗ già để dựng lên trên phần đất của tổ đình Kim Cang và những huê lợi thu được từ những thửa ruộng, vườn hương hỏa của hai di tích để làm chi phí tái thiết). Chùa được tái lập trên nền cũ của đền Thanh Long vì trong thời kỳ đó (1968), thửa đất tổ đình Kim Cang cũng còn nằm trong vùng bất an không được xây cất. Cho nên chùa được ghép tên của hai di tích cổ lại thành Kim Long Cổ Tự (Kim tức chữ đầu của tổ đình Kim



Tổ Sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch.

Cang, Long tức chữ đuôi của đèn Thanh Long). Sau khi xây dựng tạm ổn có nơi thờ tự rồi, những vị phật tử cao niên như cụ Sáu Vạn, Võ Công Phú, cụ Sáu Huân, cụ Sáu Đâu... đến Thủ Đức (chùa Từ Quang hiện nay), cung thỉnh Thầy Thích Minh Lượng (Thầy là một vị chán tu, đã lia bỏ Sài Gòn, về ở núi Thị Vải, Thầy đã kiên trì với định lực cao nhưng cuối cùng vì cảnh duyên không thích hợp nên Thầy về vùng Thủ Đức). Thầy Minh Lượng về vùng đất Tổ với sự hân hoan hỷ lạc của tín đồ Phật giáo. Về trụ trì một ngôi chùa thô sơ mới tái tạo nơi thôn quê hẻo lánh, Thầy từng bước canh tân xây dựng mở mang cho ngôi chùa trở nên khang trang để làm sống lại lịch sử lẫy lừng của Tổ sư và sáng ngời đạo pháp Phật Tổ như hiện nay.

Thầy Thích Minh Lượng căn cứ vào lịch sử hoằng hóa của Tổ sư Nguyên Thiều trên miền đất Đồng Nai này cho đến mãn cuộc đời của Ngài. Thầy đã lặn lội vào khu rừng chòi (khuôn viên của tổ đình Kim Cang bị bỏ hoang trên bốn thập kỷ) bên cạnh nền ngôi tổ đình, Thầy đào xới những ụ mồi ủn phủ lên trên những tấm bia ký của những tháp đổ nát, rồi nạo mài lau chùi những hàng chữ non hoang phế lâu đời đã mòn mờ biến dạng. Kiên trì lặn mò như thế, thầy tìm ra được tấm bia ghi những hàng chữ Quốc Ân Kim Cang đường thượng... hiệu của sáu ngôi chùa đứng ra trùng tu tháp Tổ trước đây như các chùa Hưng Long, Hội Khánh, Đức Sơn (Sông Bé), Sắc Tứ Từ Ân (Chợ Lớn), Hưng Thạnh (Bà Hom), Phổ Quang (Biên Hòa). Thế là Thầy đã phát hiện được ngôi tháp của Tổ sư

Nguyên Thiều Siêu Bạch. Nhưng vẫn chưa toại nguyện đối với Thầy vì còn một bức long vị sau khi tổ đình bị thiêu hủy, mặt trước khắc hàng chữ nho "Kim Cang đường thượng tam tháp tú thê húy Minh Vật Nhất Tri Hòa Thương giác linh chí vị", mặt sau dưới phần đế có khắc hai hàng chữ nho (hàng trên : thập nguyệt sơ thập nhật viên tịch), (hàng dưới : Đinh Mùi niên trọng xuân cần tạo) là một ẩn số nữa. Cho nên Thầy vẫn tiếp tục tìm kiếm, sau này phát hiện thêm một ngôi tháp thứ hai được xây dựng phía bên phải nền tổ đình Kim Cang. Ngôi tháp này bị đổ nát trầm trọng hơn, tấm bia ký bằng hồ vữa ô dược bị tróc hết hoàn toàn. Những hàng khắc trên đó, không còn dấu tích để nhận dạng. Chỉ còn bốn tấm vách gạch xây ụp xuống dumble lại với nhau. Thế nhưng về vị trí xây dựng cùng trong khuôn viên tổ đình, ngang hàng với tháp tổ sư Nguyên Thiều Siêu Bạch.

Công đức phát hiện ra ngôi tháp cổ của hai vị Tổ đã làm cho những vị trưởng lão tại địa phương hết sức ngạc nhiên. HT Thích Huệ Thành đã thốt lên rằng : "Hồi mới xuất gia, tuổi còn nhỏ, tôi hàng ngày lên chùa Kim Cang quạt hèu cho quý Hòa Thượng bao nhiêu năm như vậy mà không nghe nói đến hai ngôi tháp của Tổ, cho đến sau này (thập kỷ 40) cũng không hề biết đến hai ngôi tháp. Bây giờ nhờ nhân duyên nào Thượng Tọa lại tìm kiếm ra được hai ngôi tháp của Tổ sư, thật là phước đức, quý hóa vô cùng".

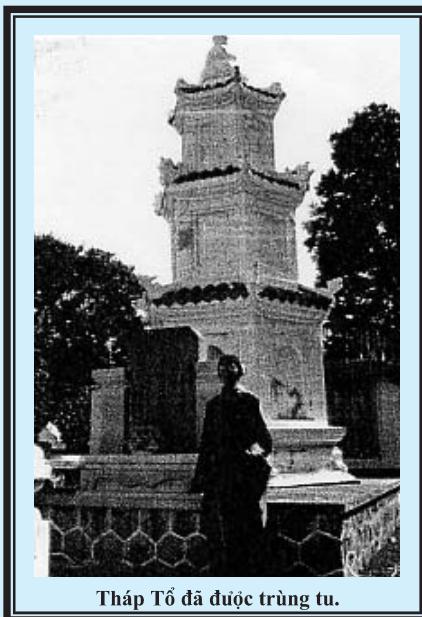
TT Minh Lượng đã phát nguyện trùng tu, với tâm niệm cao cả là duy trì lịch sử vô giá và cũng để báo đền công ơn cao dày mà Tổ sư đã lưu truyền cho bao đời hậu thế. Nhưng, chỉ đại trùng tu được một tháp của Tổ Nguyên Thiều Siêu Bạch, còn tháp thứ hai mà có thể khẳng định là của Tổ Minh Vật Nhất Tri thì chưa tiến hành được. Công trình này phải đợi cơ quan khảo cổ tỉnh Đồng Nai khai quật khảo sát di tích mới mong tìm ra cụ thể lịch sử, lúc đó mới tiến hành đại trùng tu.

Từ lúc đại trùng tu tháp Tổ Nguyên Thiều Siêu Bạch cho đến nay, TT Minh Lượng hàng năm đến ngày tưởng niệm viên tịch (19-10 ÂL) đã long trọng tổ chức húy kỵ 8 lần thật trọng thể. Đồng đảo chư tôn đức hàng giáo phẩm chư Tăng Ni trong tông phái cùng tín đồ trên khắp các tỉnh miền Trung, miền Đông, miền

Tây về dự. Hiện nay phần tài sản (*ruộng đất*) hương hỏa của tổ đình, một phần chính quyền địa phương trưng dụng, một phần dân chúng trong vùng chiếm canh chiếm cư chưa được trả lại. Mặc dù phần huê lợi thu được về nông nghiệp hạn chế nhưng TT Minh Lượng đã làm công tác từ thiện xã hội rất cao, hàng năm Thầy đều có đóng góp phần công đức (*tài vật*), tổ chức nhiều đợt cứu trợ thiên tai, nghèo đói, bệnh tật, tặng phẩm tiền mặt lên đến hàng trăm triệu.

Công đức của TT Minh Lượng đáng được trân trọng biết bao !

(Hán Liếu)



Tháp Tổ đã được trùng tu.

quý cự đồ nho giúp đọc văn bia, mới phát hiện là bảo tháp của Tổ sư... Kế đó được cố Đại lão Hòa thượng Thích Huệ Thành, nguyên Trưởng ban Trị sự THPG Đồng Nai, làm lễ chứng minh, nguyện hương cho công cuộc trùng tu ngôi bảo tháp của Tổ sư.

Và mãi cho đến 20 năm sau, HT. Thích Minh Chánh, Trưởng ban Trị sự THPG Đồng Nai, trụ trì chùa Giác Minh mới đủ túc duyên phát nguyện xây dựng và trùng tu ngôi Tổ đình. Nhân đây, Hòa thượng Trưởng ban và Ban Kiến thiết Tổ đình xin tán thành công đức của chư tôn giáo phẩm, chính quyền địa phương đã tận tình giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện đèn bù, cấp phép xây dựng trùng tu và hai Phật tử Tâm Lộc và Diệu Hương đã phát tâm cúng dường tài thí (số tiền hơn 1,1 tỷ đồng) để đèn bù giải tỏa trên khuôn viên chùa có được 4.609m2.

Hôm nay 19-10 Mậu Tý (16-11-2008), tại bảo tháp Tổ sư và trên nền chùa xưa, Ban Trị sự THPG Đồng Nai hân hoan cung đón chư vị tôn đức giáo phẩm và chính quyền địa phương cùng đông đảo Tăng Ni, Phật tử trong vùng đến dự lễ húy kỵ Tổ sư khai sơn và lễ đặt đá trùng tu Tổ đình Quốc Ân Kim Cang...

(Pháp Tuệ)

Bảo tháp tổ sư Nguyễn Thiều - Siêu Bạch và Tổ đình Quốc Ân Kim Cang ở Đồng Nai

Tổ đình Quốc Ân Kim Cang là ngôi chùa cổ do Tổ sư Nguyễn Thiều húy Siêu Bạch khai sơn cách đây hơn 300 năm vào thế kỷ XVII, năm Chánh Hòa thứ 19 (1698) đời chúa Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu, tọa lạc ấp Bình Thảo, xã Bình Phước, dinh Trần Biên. Ngày nay thuộc ấp Bình Lực, xã Tân Bình, H. Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bây giờ, chùa chỉ còn lưu dấu nền Tổ đình và hai tháp cổ.

1. Bảo tháp của Tổ Sư Nguyễn Thiều húy Siêu Bạch : Theo năm tháng bảo tháp tuy bị xuống cấp nhưng vẫn còn dáng vẻ uy nghi với :

- **Mộ bia :** bằng đá xanh. Trên mặt bia có khắc 3 hàng chữ Nho, phiên âm như sau : * **Hàng chính giữa :** - Quốc Ân Kim Cang đường thương, tam thập tam thế, húy Siêu Bạch Hoán Bích Tổ sư chi tháp; * **Hai hàng hai bên :** - Phổ Quang tự Yết ma Chủ hương; - Hội Khánh tự Giáo họ Thiền chủ lập thạch; - Sắc tứ Từ Ân tự Hòa thượng Pháp sư; Chứng minh lệnh - Long Thạnh tự Hòa thượng; - Đức Sơn tự Hòa thượng; - Hung Long tự Hòa thượng; Chư son đồng tạo.

- **Tháp Tổ :** hình lục giác cao ba tầng, chiều cao từ mặt đất lên đến đỉnh tháp là 5,2m. Tháp dựng trên nền xây đá xanh hình chữ nhật, ngang 3m, dài 4m, cao 0,8m... - Mặt trước là bia tháp : khắc nổi trên ô dược với 3 hàng chữ Nho, gồm :

dòng giữa ghi : Quốc Ân Kim Cang đường thương, tam thập tam thế, húy Siêu Bạch Hoán Bích Tổ sư chi tháp; dòng bên mặt ghi : Tuế tại Kỷ Dậu niên, mạnh Thu, cát nhụt, hiệp chư sơn thiền đức đồng tái tạo; dòng bên trái ghi : Thập ngoặt, thập cửu nhụt viên tịch.

2. Tháp Phổ Đồng : Tương truyền đây là tháp của công chúa Ngọc Vạn, con của chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, bà là vợ vua Chân Lạp Chey Chetta II, là người có công hộ trì Phật pháp và ứng hộ việc xây dựng Tổ đình Quốc Ân Kim Cang lúc bấy giờ.

Sau khi chùa bị giặc Pháp đốt (1946) và lấy đi nhiều bảo tượng quý và đại hồng chung, một số cổ vật còn lại được chư Tăng gìn giữ, sau này chuyển về tôn trí ở Kim Long cổ tự gồm : - Tượng Đức Chuẩn Đề bằng đồng; - Long vị của Đại lão Hòa thượng Minh Vật Nhất Tri là vị trụ trì kế tiếp Tổ sư ở Tổ đình Quốc Ân Kim Cang, viên tịch ngày 10-10 năm Bính Ngọ (1786); - Tiểu hồng chung trên có khắc chữ "Kim Cang tự"; - Thánh tượng Địa Tạng Vương Bồ tát cõi con đê thính bằng gỗ.

Bảo tháp của Tổ sư Nguyễn Thiều và Tổ đình Quốc Ân Kim Cang là những di tích lịch sử Phật giáo rất quan trọng, đánh dấu công lao to lớn của Tổ sư hoằng hóa ở đất phương Nam nhưng từ lâu bị bỏ hoang phế... Hữu duyên thay cho hàng hậu học, năm 1988, TT. Thích Minh Lượng, trụ trì Kim Long cổ tự được nhân dân phát hoang báo tin có tháp cổ của chùa. Ngay sau đó thầy cùng chư Tăng đến dọn dẹp, cạo mổi, chùi rữa và nhà nghiên cứu Nguyễn Hiền Đức, tác giả quyển Lịch sử Phật giáo Đồng Trong đã đến sưu tầm cùng

THỌ BÁT QUAN TRAI

(20 ngày thứ sáu thọ giới, 19 ngày thứ bảy xả giới)

- Mỗi tháng 1 lần HUÂN TU TỊNH ĐỘ

(tụng kinh Thủy Sám...niệm Phật hoặc tụng tròn bộ kinh Pháp Hoa từ 9h sáng thứ bảy đến 18h chiều)

Chương Trình

Thọ Bát Quan Trai

và Huân Tu Tịnh Độ

tại Chùa Khánh Anh

từ ngày 16/10/10 đến 26/03/11

Thứ bảy : 16/10/10 Huân Tu

Thứ sáu : 05/11/10 Thọ Bát

Thứ bảy : 20/11/10 Huân Tu

Thứ sáu : 03/12/10 Thọ Bát

Thứ bảy : 18/12/10 Huân Tu

Thứ sáu : 07/01/11 Thọ Bát

Thứ bảy : 22/01/11 Huân Tu

Thứ sáu : 11/02/10 Thọ Bát

Thứ bảy : 26/02/11 Huân Tu

Thứ sáu : 11/03/11 Thọ Bát

Thứ bảy : 26/03/11 Huân Tu

Tùy theo Phật sự, chương trình có thể thay đổi, xin liên lạc về chùa trước để xác định lại ngày Huân tu hoặc Thọ bát.